

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở -ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

**Ngành:** Kinh tế; **Chuyên ngành:** Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** Võ Hồng Tú

**2. Ngày tháng năm sinh:** 15/09/1988; Nam ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán:** xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** N16/15, Hộ tập thể Trường Đại học Cần Thơ, đường 30/04, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**6. Địa chỉ liên hệ:** 109-111, đường D15, Khu dân cư Hồng Loan, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0932.895452; E-mail: [vhtu@ctu.edu.vn](mailto:vhtu@ctu.edu.vn)

**7. Quá trình công tác**

- Từ 06/2010 đến 08/2011: Nghiên cứu viên tại Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ.
- Từ 8/2011 đến 08/2013: Nghiên cứu viên tại Bộ môn Kinh tế - Xã hội Nông thôn, Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.
- Từ 03/2012 đến 04/2013: Ủy viên Ban chấp hành Đoàn khoa, Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.
- Từ 09/2013 đến 10/2015: Học thạc sĩ về Kinh tế Nông nghiệp và Tài nguyên tại Đại học Kyushu, Nhật Bản.
- Từ 10/2015 đến 03/2016: Nghiên cứu viên, giảng viên tại Bộ môn Kinh tế - Xã hội Nông thôn, Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.

- Từ 04/2016-03/2019: Giảng viên, học tiến sĩ dạng Sandwich của Học bổng RONPAKU, JSPS về Kinh tế Nông nghiệp và Tài nguyên tại Đại học Kyushu, Nhật Bản.
- Từ 06/2016 đến 06/2021: Phó trưởng Bộ môn Kinh tế - Xã hội Nông thôn, Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.
- Từ 06/2021 đến nay: Trưởng Bộ môn Kinh tế - Xã hội Nông thôn, Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.

**Chức vụ hiện nay:** Ủy viên ban chấp hành Đảng bộ Khoa Phát triển Nông thôn, Bí thư Chi bộ Bộ môn Kinh tế - Xã hội Nông thôn, Trưởng Bộ môn Kinh tế - Xã hội Nông thôn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn Kinh tế - Xã hội Nông thôn.

**Cơ quan công tác hiện nay:** Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.

**Địa chỉ cơ quan:** Số 554, Quốc lộ 61, Ấp Hòa Đức, Xã Hòa An, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang

**Điện thoại cơ quan:** (84) (293) 351 1111

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

**8. Đã nghỉ hưu:** chưa

**9. Trình độ đào tạo**

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 08 năm 2010; số văn bằng: A271660; ngành: Phát triển Nông thôn; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 09 năm 2015; số văn bằng: 3431; ngành: Kinh tế Nông nghiệp và Tài nguyên; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Kyushu, Nhật Bản.
- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 03 năm 2019; số văn bằng: 185; ngành: Kinh tế Nông nghiệp và Tài nguyên; Nơi cấp bằng TS: Đại học Kyushu, Nhật Bản.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:** chưa

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở:** Trường Đại học Cần Thơ

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành:** Kinh tế

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- **Hướng 1: Các nghiên cứu về khía cạnh cung của người sản xuất và chính sách phát triển nông thôn:** Đo lường hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu vào của nông dân và doanh nghiệp; Sinh kế nông hộ và tác động của chính sách đến sinh kế nông hộ cũng như phát triển nông nghiệp, nông thôn; Vai trò của kinh tế tập thể và liên kết chuỗi.
- **Hướng 2: Các nghiên cứu về khía cạnh cầu của người tiêu dùng:** Tập trung nghiên cứu về thị hiếu và sự sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng cho các thuộc tính của sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm thân thiện với môi trường và đạt chuẩn OCOP.

#### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS đạt kết quả khá ngành Quản lý kinh tế;
- Đã hoàn thành 06 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, trong đó **chủ nhiệm** là 3 đề tài, **đồng chủ nhiệm** là 01 đề tài và thư ký cho 02 đề tài, cụ thể như sau:
  - + 02 đề tài NCKH cấp tỉnh (An Giang và Hậu Giang) với vai trò là **chủ nhiệm** (năm 2018 và 2019).
  - + 01 đề tài NCKH cấp trường với vai trò là **chủ nhiệm từ tháng 01-08/2013 và thay đổi chủ nhiệm sang ThS. Nguyễn Thùy Trang** do đi học (đề tài nghiệm thu năm 2013).
  - + 01 đề tài NCKH cấp Trường Đại học Cần Thơ với vai trò là **chủ nhiệm** (năm 2011).
  - + 02 đề tài NCKH cấp tỉnh Hậu Giang và cấp Trường Đại học Cần Thơ với vai trò là **thư ký** (năm 2020 và năm 2016).

Đang thực hiện (chủ nhiệm) 01 đề tài của **Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia** (NAFOSTED), sẽ nghiệm thu trong tháng 12/2022;

Đang thực hiện (chủ nhiệm) **02 đề tài NCKH cấp tỉnh** (Hậu Giang và Vĩnh Long), sẽ nghiệm thu lần lượt trong tháng 08 và 09/2022.

- Đã công bố **53** bài báo khoa học và kỹ yếu khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có phản biện, trong đó **14** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín và thuộc danh mục ISI/Scopus (**có 12 bài là tác giả chính**, trong đó có **07 bài xuất bản sau tiến sĩ** và **03** bài thuộc **Q1**);
- Số lượng sách đã xuất bản gồm 01 giáo trình (đồng chủ biên) tại Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ;

#### 15. Khen thưởng

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 15/01/2020) về **đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế tỉnh Hậu Giang** năm 2019.
- Giấy khen của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản (số 24/QĐKT.ĐSQ ngày 30/01/2015) về **thành tích trong hoạt động của thanh niên và sinh viên Việt Nam tại Nhật Bản** năm 2014.
- Giấy khen của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka (số 01/2015/QĐ-TLSQ ngày 18/09/2015) về **thành tích xuất sắc trong công tác cộng đồng** năm 2015.
- Giấy khen của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka (số 02/2014/QĐ-TLSQ ngày 19/09/2014) về **thành tích xuất sắc trong công tác cộng đồng** năm 2014.
- Danh hiệu **chiến sĩ thi đua cấp cơ sở** Trường Đại học Cần Thơ (2017, 2018, 2020)

#### 16. Kỷ luật: không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Trong suốt 11 năm công tác tại Trường Đại học Cần Thơ với nhiều nhiệm vụ được phân công khác nhau như Thư ký Bộ môn, Trợ lý Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế của Khoa, Phó trưởng Bộ môn nay là Trưởng Bộ môn Kinh tế - Xã hội Nông thôn, Đảng ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Khoa, Bí thư chi bộ Bộ môn, ứng viên xin tự đánh giá bản thân dựa vào các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

- **Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:** luôn có phẩm chất đạo đức tốt, có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối cách mạng của Đảng, chấp hành tuyệt đối chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước. Ứng viên luôn có tinh thần đoàn kết, giữ mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, sẵn sàng chia sẻ cùng đồng nghiệp và sinh viên trong giảng dạy và nghiên cứu.
- **Về công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học:** ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao, luôn tâm huyết với nghề, giữ đúng tác phong và đạo đức của một nhà giáo. Ứng viên luôn có ý thức tự rèn luyện bản thân, học tập nâng cao trình độ, tham gia thực hiện và hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.
- **Về phát triển cộng đồng:** Bên cạnh hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn quan tâm đến công tác phát triển cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ, tập huấn, tư vấn và kết nối với các tổ chức quốc tế. Trong khoảng 2 năm gần đây, ứng viên tham gia tập huấn, tư vấn cho hơn 600 hộ/chủ thể/hợp tác xã mỗi năm về các nội dung như quản trị và điều hành hợp tác xã, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, đàm phán và ký kết hợp đồng, hồ sơ tham gia chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm), marketing nông nghiệp, ... Bên cạnh đó, ứng viên còn tham gia tư vấn cho nhiều tổ chức quốc tế trong thiết kế và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng như CARE, SNV, GIZ, WWF.
- **Về công tác khác:** Ngoài ra ứng viên còn tham gia công tác chuẩn bị đề án mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, ứng viên còn tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào và thể thao của đơn vị cũng như nhà trường. Ứng viên còn là thành viên cố vấn (mentor) cho các dự án khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ.

Với những nỗ lực và kết quả đạt được trong suốt 11 năm công tác, ứng viên xét thấy mình đáp ứng đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của giảng viên theo quy định. Do vậy, ứng viên kính mong Hội đồng xem xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2022.

### **2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm 06 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017			0	4	404	0	404,0/596,08/229,5 <sup>(*)</sup>
2	2017-2018			0	5	403,2	0	403,2/567,98/229,5 <sup>(*)</sup>
3	2018-2019			0	9	344,8	0	344,8/530,08/229,5 <sup>(*)</sup>
03 năm học cuối								
4	2019-2020			0	7	355,6	0	355,6/568,28/229,5 <sup>(*)</sup>
5	2020-2021			2	7	390	0	390,0/669,14/229,5 <sup>(*)</sup>
6	2021-2022			0	9	257,2	45	302,2/542,8/224,0 <sup>(**)</sup>

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> 85% giờ chuẩn cho chức vụ Phó trưởng Bộ môn theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014, Quyết định 4412/QĐ-ĐHCT ban hành ngày 25/11/2015 và Quyết định số 223/QĐ-ĐHCT ban hành ngày 03/02/2020 quy định: Định mức giờ chuẩn cho giảng viên là 270 giờ.

<sup>(\*\*)</sup> 80% giờ chuẩn cho chức vụ Trưởng Bộ môn theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 27/07/2020 và Quyết định số 871/QĐ-ĐHCT ban hành ngày 15/04/2021 quy định: Định mức giờ chuẩn cho giảng viên chính là 280 giờ.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS bằng tiếng Anh tại Đại học Kyushu, Nhật Bản năm 2015

- Bảo vệ luận văn TS bằng tiếng Anh tại Đại học Kyushu, Nhật Bản năm 2019

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: trợ giảng bằng Tiếng Anh cho học phần Minamata Unit trong Chương trình “Lãnh đạo môi trường thế giới”.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Viện Môi trường Đông Á, Đại học Kyushu, Nhật Bản

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: Trình bày báo cáo khoa học trong các hội thảo quốc tế, tham gia học tập, trao đổi tại Bộ môn Kinh tế đất đai, Đại học Cambridge, Anh Quốc trong khoảng thời gian 31 ngày.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6,0

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Huỳnh Tiên		x	x		04/2021-03/2022	Trường Đại học Cần Thơ	Số 1313/QĐ-ĐHCT Ngày 27/04/2022
2	Nguyễn Kiều Trang		x	x		04/2021-03/2022	Trường Đại học Cần Thơ	Số 1313/QĐ-ĐHCT Ngày 27/04/2022

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

#### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Sau khi được công nhận TS						
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Kinh doanh nông nghiệp	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ	2	Nguyễn Thùy Trang và Võ Hồng Tú		1851/GXN-ĐHCT ngày 22/06/2022

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: không

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Đánh giá mức độ ảnh hưởng và khả năng phục hồi sinh kế của người dân chịu ảnh hưởng lũ ở ĐBSCL	Chủ nhiệm	T2011-53 Cấp trường Đại học Cần Thơ	2011	Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2011 theo Quyết định 4304/QĐ-ĐHCT ngày 27/12/2011. Kết quả: <b>tốt</b>
2	Đánh giá tính dễ bị tổn thương của lao động chuyên dịch từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	Phó chủ nhiệm	T2013-59 Hợp đồng số 59 T./HD.QLKH 2013	2013	Biên bản nghiệm thu ngày 24/12/2013 theo Quyết định 5772/QĐ-ĐHCT ngày 12/12/2013. Kết quả: <b>tốt</b>

3	Đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường và rủi ro của mô hình chuyển đổi từ mía sang tôm tại tỉnh Sóc Trăng và Hậu Giang	Thư ký	T2016-73 Hợp đồng số 73 T./HĐ.QLKH 2016	2016	Quyết định 5345/QĐ-ĐHCT ngày 06/12/2016. Kết quả: <b>tốt</b> Biên bản nghiệm thu ngày 24/12/2016
4	Nghiên cứu đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ xây dựng mô hình cây ăn trái đặc sản huyện Tịnh Biên phục vụ phát triển du lịch	Chủ nhiệm	373.2016.6, Hợp đồng số 07/HĐ-KHCN, đề tài cấp tỉnh An Giang	2016-2018	Ngày 25/04/2019 Kết quả: <b>đạt</b> Giấy chứng nhận kết quả số đăng ký 05/2019 Quyết định nghiệm thu 189A/QĐ-SKHHCN ngày 14/06/2019
II	Sau khi được công nhận TS và 3 năm cuối (TỪ 06/2019-06/2022)				
1	Nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm ngành mía đường tỉnh Hậu Giang	Chủ nhiệm	Hợp đồng số 14/HĐ-KHCN, đề tài cấp tỉnh Hậu Giang	2016-2019	Biên bản nghiệm thu ngày 05/06/2019 theo Quyết định số 41/QĐ-SKHHCN Xếp loại: <b>đạt</b> Giấy chứng nhận theo số đăng ký 05/GCN-SKHHCN
2	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới (NTM) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Thư ký	Hợp đồng số 13/HĐ-KHCN, đề tài cấp tỉnh Hậu Giang	2018-2020	Biên bản nghiệm thu ngày 09/12/2020 theo Quyết định số 115/QĐ-SKHHCN Xếp loại: <b>đạt</b> Giấy chứng nhận theo số đăng ký 02/GCN-SKHHCN
3	Xây dựng và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới ở tỉnh Vĩnh Long	Chủ nhiệm	Hợp đồng số 18/HĐ-2018, đề tài cấp tỉnh Vĩnh Long	2018-2022	Sẽ nghiệm thu trong tháng 09/2022
4	Nghiên cứu thực trạng sản xuất, tiêu thụ và tiềm năng thị trường cho một số mặt hàng OCOP chủ lực của tỉnh Hậu Giang	Chủ nhiệm	Hợp đồng số 28/HĐ-KHCN, đề tài cấp tỉnh Hậu Giang	2020-2022	Sẽ nghiệm thu trong tháng 08/2022
5	Tái cấu trúc nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu	Chủ nhiệm	Mã số 502.01-2020.27,	2020-2022	Sẽ nghiệm thu trong tháng 12/2022

	Long theo hướng cân bằng giữa giá trị kinh tế và môi trường		Quyết định 59/QĐ-HDQL-NAFOSTED		
--	---	--	--------------------------------	--	--

## 7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

### 7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	<b>TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS</b>							
1	Application of livelihood vulnerability index to assess risks from flood vulnerability and climate variability- A case study in the Mekong Delta of Vietnam	3		Journal of Environmental Science and Engineering A/ ISSN 1934-8932		65	2(2013), 476-486	08/2013
2	Vulnerability of livelihoods in flood prone areas along the Cambodia-Vietnam border	5		Stockholm Environment Institute (SEI)-Asia/ ISBN 978-967-0630-25-0		2	97-122	2014
3	Technical efficiency of ecologically engineered rice production in the Mekong Delta of Vietnam: Application of SFA	2	x	Global Journal of Science Frontier Research: D Agriculture and Veterinary/ ISSN: 2249-4626		7	15(5), 101-110	2015
4	Environmental efficiency of ecologically engineered rice production in the Mekong Delta of Vietnam	4	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University/ ISSN:0023-6152	ISI (IF: <b>0,264</b> ) Scopus <b>Q4</b>	15	60(2), 493-500	05/2015
	<a href="https://kyushu-u.pure.elsevier.com/en/publications/environmental-efficiency-of-ecologically-engineered-rice-producti">https://kyushu-u.pure.elsevier.com/en/publications/environmental-efficiency-of-ecologically-engineered-rice-producti</a> <a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>							
5	Cost efficiency of rice production in Vietnam: an application of	2	x	Asian Journal of Agricultural Extension,		14	8(1), 1-10	09/2015



	stochastic translog variable cost frontier			Economics & Sociology/ ISSN: 2320-7027				
6	Ứng dụng phương pháp phân tích giới hạn sản xuất ngẫu nhiên để đo lường hiệu quả môi trường của hoạt động sản xuất nông nghiệp	1	x	Tạp chí Khoa học và Phát triển (nay là Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam)/ ISSN 1859-0004		2	13(8), 1519-1526	12/2015
7	Adaptive capacity assessment of rural out-migrants: A case study of An Giang Province, Vietnam	4	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University/ ISSN: 0023-6152	ISI, IF: <b>0,264</b> Scopus <b>Q4</b>	6	60(0), 265-271	2015
<a href="https://catalog.lib.kyushu-u.ac.jp/opac_download_md/1526321/p265.pdf">https://catalog.lib.kyushu-u.ac.jp/opac_download_md/1526321/p265.pdf</a> <a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
8	Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long	3		Chương 5 của sách tham khảo: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Bằng Sông Cửu Long: Những thành tựu và triển vọng/ISBN: 978-604-919-672-0			154-192	2016
9	Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình trồng năng ( <i>Eleocharis dulcis</i> Burm.f.) tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	3	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ĐBSCL trong thời hội nhập/ISBN: 978-604-919-779-6			161-168	2016
10	Đo lường hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu vào trong hoạt động sản xuất nông nghiệp	2	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			46(2016), 68-74	2016

11	Hiệu quả sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của lúa công nghệ sinh thái tại tỉnh An Giang	2		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			44(2016), 103-111	2016
12	Thị hiếu của khách du lịch đối với mô hình cây ăn trái đặc sản huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	2	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ĐBSCL trong thời hội nhập/ISBN: 978-604-919-779-6			232-240	2016
13	Nhân tố tác động đến sự thay đổi trong sản xuất nông nghiệp và sinh kế của nông dân Đồng Bằng Sông Cửu Long	3		Chương 7 của sách tham khảo: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Bằng Sông Cửu Long: Những thành tựu và triển vọng/ISBN: 978-604-919-672-0			213-238	2016
14	Đồng Bằng Sông Cửu Long: Những thành tựu khoa học và công nghệ trong nông nghiệp	4	x	Chương 3 của sách tham khảo: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Bằng Sông Cửu Long: Những thành tựu và triển vọng/ISBN: 978-604-919-672-0			88-125	2016
15	Nhận thức và sự sẵn lòng đóng góp của nông hộ cho chương trình xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hậu Giang	2		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			46(2016), 96-103	2016
16	Đánh giá tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đến thu	3		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần			46(2016), 116-121	2016

	nhập nông hộ tại tỉnh Hậu Giang			Tho/ISSN: 1859-2333				
17	Efficiency of food industry in Vietnam: an application of latent class stochastic frontier analysis	2	x	The UHD-CTU Annual Economics and Business Conference 2017, ISSN: 472-9310			1-10	2017
18	Resource use efficiency and economic losses: implications for sustainable rice production in Vietnam	1	x	Environment, Development and Sustainability, ISSN: 1573-2975	ISI, IF: <b>1,436</b> Scopus Q2	12	19, 285-300	2017
<a href="https://link.springer.com/article/10.1007/s10668-015-9724-0">https://link.springer.com/article/10.1007/s10668-015-9724-0</a> <a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
19	Modelling the factors affecting the adoption of eco-friendly rice production in the Vietnamese Mekong Delta	4	x	Cogent Food & Agriculture, Taylor & Francis/ISSN: 2331-1932	SCIE/ISI	27	4, 1-24	02/2018
<a href="https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23311932.2018.1432538">https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23311932.2018.1432538</a> <a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
20	Environmental efficiency of transformed farming systems: a case study of change from sugarcane to shrimp in the Vietnamese Mekong Delta	4		Forestry Research and Engineering: International Journal/ eISSN: 2577-8307		9	2(2), 56-62	03/2018
21	Water use efficiency in rice production: Implications for climate change adaptation in the Vietnamese Mekong Delta	4	x	Process Integration and Optimization for Sustainability, Springer/ ISSN: 2509-4246	ESCI/ISI	5	2, 221-238	2018
<a href="https://link.springer.com/article/10.1007/s41660-018-0038-1">https://link.springer.com/article/10.1007/s41660-018-0038-1</a> <a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								

22	The determinants behind changes of farming systems and adaptation to salinity intrusion in the coastal regions of Mekong Delta	4		Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University/ ISSN: 0023-6152	ISI, IF: <b>0,215</b>	1	63(2), 417-422	05/2018
<a href="https://catalog.lib.kyushu-u.ac.jp/opac_download_md/1955664/p417.pdf">https://catalog.lib.kyushu-u.ac.jp/opac_download_md/1955664/p417.pdf</a> <a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
23	Đánh giá tiềm năng phát triển vườn cây ăn trái đặc sản gắn với du lịch tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	4	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			54(1D), 203-209	2018
24	Hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi tôm tại vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng	3		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333		2	54(7), 146-154	2018
25	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình lúa-tôm tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	4		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333		1	54(9), 149-156	2018
26	Cơ sở lý thuyết và thực tiễn đo lường hiệu quả môi trường trong sản xuất nông nghiệp: Trường hợp nuôi tôm vùng chuyên đổi tại Kiên Giang	4		Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-3453		1	14(1), 128-141	01/2019
27	Phân tích chuỗi giá trị ngành hàng xoài tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	2		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333		3	55(1), 109-119	02/2019
<b>II</b>	<b>SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS VÀ 3 NĂM CUỐI (TỪ 06/2019-06/2022)</b>							
28	Đánh giá tác động của ứng dụng cơ giới hóa đến thu nhập nông hộ trồng mía tỉnh Hậu Giang	3	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			55(2), 150-156	04/2019
29	Giải pháp phát triển ngành hàng mía đường tỉnh Hậu Giang	3		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			55(2D), 131-142	04/2019

30	Technical and environmental efficiency of eco-friendly rice production in the upstream region of the Vietnamese Mekong Delta	5	x	Environment, Development and Sustainability ISSN: 1573-2975	ISI, IF: <b>2,337</b> Scopus <b>Q2</b>	4	21, 2401-2424	10/2019
<a href="https://link.springer.com/article/10.1007/s10668-018-0140-0">https://link.springer.com/article/10.1007/s10668-018-0140-0</a> <a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
31	Thực trạng và chiến lược sử dụng nguồn vốn sinh kế thích ứng với xâm nhập mặn của nông hộ ven biển Đồng bằng sông Cửu Long	2		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			55(6), 109-118	12/2019
32	Yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân đối với chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN: 1859-4581			2, 135-144	8/2020
33	Vai trò của chương trình xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế hộ	2	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			56(4D), 266-273	08/2020
34	Phân tích hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	2	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			56(6D), 313-321	12/2020
35	Sự sẵn lòng tham gia đóng góp vào quỹ tín dụng nội bộ của thành viên hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	2	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			57(1D), 235-244	02/2021
36	Environmental efficiency of Intensive shrimp farming in transforming areas of The Coastal Mekong Delta	6	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University/ ISSN: 0023-6152	ISI, IF: 0,27		66(2), 277-289	05/2021
<a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								

37	Economic Efficiency of Intensive Shrimp Farming in Transforming Areas of The Coastal Mekong Delta	3	x	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University/ ISSN: 0023-6152	ISI, IF: 0,27		66(2), 267-275	05/2021
<a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
38	Domestic tourist satisfaction: implications for " One Commune One Product" eco-tourism development in the Mekong Delta of Vietnam	2	x	Geo Journal of Tourism and Geosites, ISSN: 2065-1198	Scopus Q2, H-index: 17		38(4), 1042-1050	2021
<a href="http://gtg.webhost.uoradea.ro/PDF/GTG-4-2021/gtg.38408-742.pdf">http://gtg.webhost.uoradea.ro/PDF/GTG-4-2021/gtg.38408-742.pdf</a>								
<a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
39	UK Consumers' Preferences for Ethical Attributes of Floating Rice: Implications for Environmentally Friendly Agriculture in Vietnam	5	x	Sustainability, ISSN: 2071-1050	ISI, IF: <b>3,251</b> Scopus <b>Q1</b> H-index: 109	1	13, 8354	07/2021
<a href="https://www.mdpi.com/2071-1050/13/15/8354">https://www.mdpi.com/2071-1050/13/15/8354</a>								
<a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
40	Land accumulation: An option for improving technical and environmental efficiencies of rice production in the Vietnamese Mekong Delta	5	x	Land Use Policy, ISSN: 0264-8377	ISI, IF: <b>5,398</b> Scopus <b>Q1</b> , H-index: 125	4	108 (2021), 105678	07/2021
<a href="https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0264837721004014">https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0264837721004014</a>								
<a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
41	Value chain and competitiveness of OCOF standardized clown knife fish products in Hau Giang province	2		Can Tho University Journal of Science, ISSN: 2615-9422			13(3), 89-99	07/2021
42	Consumer willingness to pay for the country-of-origin attribute: A case study of fresh grapes in Can Tho City	2	x	Vietnam Trade and Industry Review, ISSN: 0866-7756			21, 222-227	2021

43	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng các sản phẩm rau bán online của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ	4		Tạp chí Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, ISSN: 2525 – 2569			17, 37-47	2021
44	Sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang	2		Tạp chí nghiên cứu kinh tế, ISSN: 0866-7489			7(518), 20-28	07/2021
45	Sự sẵn lòng chi trả của người dân cho chương trình xây dựng nông thôn mới: nghiên cứu điển hình tại tỉnh Hậu Giang	2	x	Tạp chí Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, ISSN: 2525 – 2569			18(2021), 74-81	09/2021
46	Vốn sinh kế và giải pháp nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang	2	x	Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, ISSN: 2734-9306			16(2), 20-35	09/2021
47	Technical Efficiency and Output Losses in Shrimp Farming: A Case in Mekong Delta, Vietnam	3		Fishes, ISSN: 2410-3888	ISI, IF: <b>2,385</b> , Scopus <b>Q2</b> , H-index: 15		6(59), 1-13	11/2021
<a href="https://mdpi-res.com/d_attachment/fishes/fishes-06-00059/article_deploy/fishes-06-00059.pdf?version=1636629392">https://mdpi-res.com/d_attachment/fishes/fishes-06-00059/article_deploy/fishes-06-00059.pdf?version=1636629392</a> <a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
48	Giải pháp phát triển chuỗi giá trị khóm Cầu Đúc tỉnh Hậu Giang	2	x	Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh: Kinh tế và Quản trị kinh doanh ISSN: 2734-9306			17(2), 138-151	2022
49	Phân tích hiệu quả đầu tư của Chương trình xây dựng nông thôn mới: Trường hợp nghiên cứu tỉnh Hậu Giang	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN: 1859-4581			424, 78-89	01/2022

50	Is super-intensive shrimp farming more environmentally friendly? an application of material balance principle in the Mekong Delta	4	x	Environment, Development and Sustainability ISSN: 1573-2975	ISI, IF: 3,218 Scopus Q1 H-index: 62		(2022), 1-18	02/2022
<a href="https://link.springer.com/article/10.1007/s10668-022-02156-2">https://link.springer.com/article/10.1007/s10668-022-02156-2</a> <a href="https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi">https://scholar.google.com/citations?user=VWKe6hMAAAAJ&amp;hl=vi</a>								
51	Sự sẵn lòng chi trả cho sản phẩm thủ công mỹ nghệ lục bình chuẩn hoá OCOP của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ	3		Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh: Kinh tế và Quản trị kinh doanh ISSN: 2734-9306			17(5)	05/2022
52	Ước lượng hiệu quả môi trường của mô hình tôm thẻ chân trắng ở Đồng bằng sông Cửu Long: ứng dụng cách tiếp cận cân bằng nguyên liệu	4	x	Tạp chí nghiên cứu kinh tế, ISSN: 0866-7489			4(527), 80-95	04/2022
53	Thị hiếu người tiêu dùng thành thị đối với gạo thân thiện môi trường tại Đồng Bằng Sông Cửu Long	2		Tạp chí nghiên cứu kinh tế, ISSN: 0866-7489			6(529), 52-64	06/2022

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **07 bài báo** và thứ tự [30], [36], [37], [38], [39], [40], [50].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....



7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	<b>Điều chỉnh CTĐT:</b> Cử nhân Kinh doanh nông nghiệp	Tổ phó	Quyết định 4235/QĐ-ĐHCT ngày 26/09/2018	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31/07/2019	
2	<b>Điều chỉnh CTĐT:</b> Cử nhân Kinh doanh nông nghiệp	Tổ phó	Quyết định số 4788/QĐ-ĐHCT ngày 19/11/2021	Trường Đại học Cần Thơ		Đang thực hiện
3	<b>Tổ đảm bảo chất lượng</b>	Thành viên	Quyết định số 5677/QĐ-ĐHCT ngày 07/12/2021	Trường Đại học Cần Thơ		Đang thực hiện
4	<b>Hội đồng tự đánh giá</b> Ngành Kinh doanh nông nghiệp	Thư ký	Quyết định số 605/QĐ-ĐHCT ngày 11/03/2022	Trường Đại học Cần Thơ		Đang thực hiện

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:  
**Không**

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Cần Thơ, ngày 24 tháng 06 năm 2022*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Võ Hồng Tú', written over a horizontal line.

Võ Hồng Tú